BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 1129 /QĐ-ĐHNL-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành "Quy chế đào tạo ĐH, CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 2600/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm TPHCM v/v ban hành Quy chế học vụ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ vào biên bản đề nghị xét tốt nghiệp của các Khoa liên quan;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường ngày 31/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho **547** sinh viên Đại học hệ chính quy các ngành.

(*danh sách đính kèm*)

Điều 2. Các sinh viên có tên trong điều 1 được nhận bằng tốt nghiệp Đại học theo đúng quy chế của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo đã ban hành sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định của Trường Đại học Nông Lâm TP.Hồ Chí Minh.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Khoa, các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Các Khoa (để thực hiện);
- P.CTSV (phối hợp thực hiện);
- P.KHTC (phối hợp thực hiện);
- TT HTSV-QHDN (tổ chức Lễ tốt nghiệp);
- Lưu HC, ĐT.

Q. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ban hành theo Quyết định số 1129 /QĐ-ĐHNL-ĐT ký ngày 12/4/2021 của Hiệu trưởng

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Cơ khí công nghệ								
DH12TD								
1	12138055	Huỳnh Tấn	Hưng	19/02/1993	Nam	2.30	Trung bình	1/2021/DHCQ_NLU
DH13CD								
1	13153026	Phạm Lâm Anh	Tuấn	01/10/1995	Nam	2.37	Trung bình	2/2021/DHCQ_NLU
DH13TD								
1	13138249	Nguyễn Khánh	Tường	05/05/1995	Nam	2.60	Khá	3/2021/DHCQ_NLU
DH14CC								
1	14118274	Trần Văn	Thưởng	14/06/1996	Nam	3.26	Giỏi	4/2021/DHCQ_NLU
DH14CD								
1	14153032	Nguyễn Thanh	Nam	19/01/1994	Nam	2.26	Trung bình	5/2021/DHCQ_NLU
2	14153125	Lưu Đức	Thái	19/09/1995	Nam	2.15	Trung bình	6/2021/DHCQ_NLU
DH14CK								
1	14118008	Nguyễn Đăng	Châu	13/10/1995	Nam	2.16	Trung bình	7/2021/DHCQ_NLU
2	14118027	Nguyễn Đại	Hoàng	31/05/1996	Nam	2.38	Trung bình	8/2021/DHCQ_NLU
3	14118102	Hồ Chí	Bảo	14/10/1996	Nam	2.57	Khá	9/2021/DHCQ_NLU
4	14118177	Phạm Ngọc	Hưng	20/07/1996	Nam	2.35	Trung bình	10/2021/DHCQ_NLU
5	14118292	Nguyễn Tấn	Truyền	12/07/1996	Nam	2.26	Trung bình	11/2021/DHCQ_NLU
6	14118315	Trần Bá	Vương	23/09/1996	Nam	2.50	Khá	12/2021/DHCQ_NLU
7	14118322	Nguyễn Duy	Xuân	20/10/1996	Nam	2.42	Trung bình	13/2021/DHCQ_NLU
DH14NL								
1	14137032	Đặng Hoàng	Hảo	03/02/1996	Nam	2.16	Trung bình	14/2021/DHCQ_NLU
2	14137057	Trần Phước	Sang	02/05/1996	Nam	2.26	Trung bình	15/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	14137070	Trần Văn	Thành	28/11/1995	Nam	2.20	Trung bình	16/2021/DHCQ_NLU
DH14OT								
1	14154017	Lê Minh	Hải	07/08/1996	Nam	2.44	Trung bình	17/2021/DHCQ_NLU
2	14154061	Trương Ngọc	Tín	01/12/1996	Nam	2.84	Khá	18/2021/DHCQ_NLU
DH14TD								
1	14138100	Nguyễn Văn	Tình	25/10/1994	Nam	2.76	Khá	19/2021/DHCQ_NLU
2	14138106	Nguyễn Trọng	Trí	04/02/1996	Nam	2.62	Khá	20/2021/DHCQ_NLU
DH15CC								
1	15118076	Trương Trọng	Nhân	20/11/1997	Nam	2.15	Trung bình	21/2021/DHCQ_NLU
DH15CK								
1	15118088	Trần Hữu	Sơn	35340	Nam	2.32	Trung bình	22/2021/DHCQ_NLU
DH15NL								
1	15137020	Trần Võ Trọng	Hiếu	10/08/1997	Nam	2.52	Khá	23/2021/DHCQ_NLU
2	15137054	Chu Đức	Thiện	28/07/1997	Nam	2.61	Khá	24/2021/DHCQ_NLU
DH15OT								
1	15154006	K'	Bừng	05/05/1997	Nam	2.54	Khá	25/2021/DHCQ_NLU
2	15154007	Nguyễn Xuân	Chỉnh	16/01/1995	Nam	2.57	Khá	26/2021/DHCQ_NLU
3	15154066	Nguyễn Thanh	Tuấn	13/12/1997	Nam	2.42	Trung bình	27/2021/DHCQ_NLU
DH15TD								
1	15138001	Trương Văn	An	03/08/1997	Nam	2.43	Trung bình	28/2021/DHCQ_NLU
2	15138031	Nguyễn Mạnh	Khải	17/12/1997	Nam	2.51	Khá	29/2021/DHCQ_NLU
3	15138059	Phạm Hồng	Thái	08/10/1997	Nam	2.50	Khá	30/2021/DHCQ_NLU
DH16CC								
1	16118027	Trần Mậu	Dần	09/10/1998	Nam	2.71	Khá	31/2021/DHCQ_NLU
2	16118116	Nguyễn Thanh	Phong	12/03/1998	Nam	2.65	Khá	32/2021/DHCQ_NLU
3	16118134	Nguyễn Duy	Sơn	25/03/1998	Nam	2.71	Khá	33/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH16CD								
1	16153021	Nguyễn Nhật	Hải	20/11/1998	Nam	2.54	Khá	34/2021/DHCQ_NLU
2	16153052	Nguyễn Thanh	Luận	04/02/1998	Nam	2.68	Khá	35/2021/DHCQ_NLU
3	16153083	Võ Trí	Thanh	15/04/1998	Nam	3.19	Khá	36/2021/DHCQ_NLU
4	16153085	Huỳnh Công	Thành	14/07/1998	Nam	2.62	Khá	37/2021/DHCQ_NLU
5	16153091	Phạm Thị Cát	Tiên	08/05/1998	Nữ	3.11	Khá	38/2021/DHCQ_NLU
6	16153100	Lê Anh	Tuấn	10/04/1998	Nam	2.61	Khá	39/2021/DHCQ_NLU
7	16153104	Trần Xuân	Viễn	20/10/1998	Nam	2.67	Khá	40/2021/DHCQ_NLU
DH16CK								
1	16118023	Huỳnh Trung	Cường	02/10/1998	Nam	2.57	Khá	41/2021/DHCQ_NLU
2	16118095	Nguyễn Thành	Luyến	25/10/1998	Nam	2.73	Khá	42/2021/DHCQ_NLU
3	16118154	Lê Xuân	Tiến	20/07/1998	Nam	2.51	Khá	43/2021/DHCQ_NLU
4	16118179	Nguyễn Minh	Vương	21/09/1998	Nam	2.62	Khá	44/2021/DHCQ_NLU
DH16NL								
1	16137010	Phan Lâm	Cường	13/07/1998	Nam	2.75	Khá	45/2021/DHCQ_NLU
2	16137024	Tạ Trường	Giang	10/11/1998	Nam	2.72	Khá	46/2021/DHCQ_NLU
3	16137081	Võ Ngọc	Thương	01/02/1998	Nam	2.72	Khá	47/2021/DHCQ_NLU
4	16137103	Cao Nguyễn Xuân	Vinh	14/01/1998	Nam	2.41	Trung bình	48/2021/DHCQ_NLU
DH16OT								
1	16154030	Yến Quốc	Hào	28/04/1998	Nam	3.01	Khá	49/2021/DHCQ_NLU
2	16154037	Trương Đức	Hiệu	13/07/1998	Nam	2.63	Khá	50/2021/DHCQ_NLU
3	16154068	Phan Chí	Nguyên	30/10/1998	Nam	2.76	Khá	51/2021/DHCQ_NLU
4	16154069	Nguyễn Ngọc	Nhã	21/01/1998	Nam	3.04	Khá	52/2021/DHCQ_NLU
5	16154073	Bùi Duy	Phương	03/08/1998	Nam	3.17	Khá	53/2021/DHCQ_NLU
DH16TD								
1	16138058	Phạm Đặng Hoài	Nam	05/01/1998	Nam	2.82	Khá	54/2021/DHCQ_NLU
2	16138081	Đặng Anh	Thông	04/11/1998	Nam	2.88	Khá	55/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB		Xếp loại	Số vào sổ
LT17OT									
1	17454002	Lê Qúy	Mến	26/10/1996	Nam	2.70		Khá	56/2021/DHCQ_NLU
Chăn nuôi Thú Y									
DH11TY									
1	11112174	Nguyễn Hữu	Quang	12/06/1993	Nam	2.18		Trung bình	57/2021/DHCQ_NLU
DH13TT									
1	13112014	Hoàng Giang Thiên	Ân	29/09/1995	Nam	2.40		Trung bình	58/2021/DHCQ_NLU
DH13TY									
1	13112356	Lê Thanh	Tuấn	18/05/1995	Nam	2.18		Trung bình	59/2021/DHCQ_NLU
DH13TYGL									
1	13112400	Nguyễn Thị Thúy	Cầm	30/05/1995	Nữ	2.33		Trung bình	60/2021/DHCQ_NLU
2	13112411	Mai Văn	Thanh	04/10/1995	Nam	2.15		Trung bình	61/2021/DHCQ_NLU
DH14TA									
1	14111275	Phan Hữu	Nghĩa	02/06/1996	Nam	2.68		Khá	62/2021/DHCQ_NLU
2	14111284	Trương Hữu	Nhật	08/03/1995	Nam	2.54		Khá	63/2021/DHCQ_NLU
DH14TYA									
1	14112283	Phạm Thị Mai	Thi	25/12/1996	Nữ	2.48		Trung bình	64/2021/DHCQ_NLU
DH14TYB									
1	14112004	Lê Việt	An	19/11/1996	Nam	2.46		Trung bình	65/2021/DHCQ_NLU
2	14112054	Nguyễn Thị Đan	Đan	04/07/1996	Nữ	2.45		Trung bình	66/2021/DHCQ_NLU
3	14112080	Nguyễn Thanh Đức	Hạnh	08/04/1996	Nữ	3.01		Khá	67/2021/DHCQ_NLU
DH14TYGL									
1	14112398	Đào Thị Mỹ	Đoan	30/04/1995	Nữ	2.47		Trung bình	68/2021/DHCQ_NLU
2	14112544	Đinh Thị Ngọc	Yến	15/05/1996	Nữ	2.46		Trung bình	69/2021/DHCQ_NLU
DH14TYNT									
1	14112574	Trịnh Công	Hưng	08/02/1996	Nam	2.40		Trung bình	70/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH15CN								
1	15111009	Nguyễn Đình	Cảm	06/04/1997	Nam	2.64	Khá	71/2021/DHCQ_NLU
2	15111023	Nguyễn Minh	Đạt	02/02/1996	Nam	2.62	Khá	72/2021/DHCQ_NLU
3	15112365	Đặng Thị Bích	Trâm	31/01/1997	Nữ	2.65	Khá	73/2021/DHCQ_NLU
4	15125236	Nguyễn Thị Cẩm	Thúy	01/02/1997	Nữ	2.63	Khá	74/2021/DHCQ_NLU
DH15DY								
1	15112049	Đỗ Thị	Hương	14/06/1997	Nữ	2.62	Khá	75/2021/DHCQ_NLU
2	15112068	Lê Văn	Linh	28/10/1996	Nam	2.39	Trung bình	76/2021/DHCQ_NLU
3	15112074	Vũ Đình Thành	Lộc	11/01/1997	Nam	2.59	Khá	77/2021/DHCQ_NLU
4	15112077	lê thị	lương	19/07/1997	Nữ	2.35	Trung bình	78/2021/DHCQ_NLU
5	15112090	Nguyễn Thị Như	Ngọc	14/11/1997	Nữ	2.59	Khá	79/2021/DHCQ_NLU
6	15112105	Vũ Thị Quỳnh	Nhung	20/06/1997	Nữ	2.80	Khá	80/2021/DHCQ_NLU
DH15TA								
1	15111059	Phạm Quốc	Huy	25/08/1997	Nam	2.87	Khá	81/2021/DHCQ_NLU
2	15111106	Hứa Thị	Phấn	12/10/1996	Nữ	2.41	Trung bình	82/2021/DHCQ_NLU
DH15TTA								
1	15112310	Nguyễn Văn	Cường	07/10/1997	Nam	3.07	Khá	83/2021/DHCQ_NLU
2	15112328	Nguyễn Ngọc	Luân	17/04/1997	Nam	3.20	Giỏi	84/2021/DHCQ_NLU
3	15112333	Phạm Quốc Anh	Minh	18/08/1996	Nam	3.18	Khá	85/2021/DHCQ_NLU
4	15112334	Võ Dương	Minh	11/04/1997	Nam	3.35	Giỏi	86/2021/DHCQ_NLU
5	15112343	Nguyễn Thái Thảo	Nhi	23/09/1997	Nữ	3.20	Giỏi	87/2021/DHCQ_NLU
6	15112348	Dư Nguyễn Tiểu	Quỳnh	23/01/1997	Nữ	3.24	Giỏi	88/2021/DHCQ_NLU
DH15TTB								
1	15112315	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	20/04/1997	Nữ	3.58	Giỏi	89/2021/DHCQ_NLU
2	15112318	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	18/09/1997	Nữ	3.32	Giỏi	90/2021/DHCQ_NLU
3	15112356	Trần Phạm Tiến	Thịnh	03/09/1997	Nam	3.56	Giỏi	91/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH15TY								
1	15112006	Trần Thanh	Bình	08/03/1997	Nam	2.78	Khá	92/2021/DHCQ_NLU
2	15112009	Lương Văn	Chức	21/06/1997	Nam	3.01	Khá	93/2021/DHCQ_NLU
3	15112046	Vũ Đình	Hoàng	18/07/1996	Nam	2.89	Khá	94/2021/DHCQ_NLU
4	15112058	Nguyễn Minh	Khen	27/01/1997	Nam	2.59	Khá	95/2021/DHCQ_NLU
5	15112064	Lê Hoàng	Lan	08/09/1997	Nữ	2.80	Khá	96/2021/DHCQ_NLU
6	15112099	Cao Thị Huỳnh	Như	31/03/1997	Nữ	3.19	Khá	97/2021/DHCQ_NLU
7	15112161	Nguyễn Thị Bảo	Thư	12/05/1997	Nữ	2.85	Khá	98/2021/DHCQ_NLU
8	15112173	Bạch Tuyết	Trinh	06/06/1996	Nữ	3.10	Khá	99/2021/DHCQ_NLU
9	15112178	Lê Thị Cẩm	Tú	10/12/1997	Nữ	2.53	Khá	100/2021/DHCQ_NLU
10	15112180	Huỳnh Nguyễn	Tùng	03/04/1997	Nam	2.67	Khá	101/2021/DHCQ_NLU
11	15112921	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	03/02/1993	Nữ	2.77	Khá	102/2021/DHCQ_NLU
12	15112930	Lê Thị	Lan	20/11/1994	Nữ	2.77	Khá	103/2021/DHCQ_NLU
DH15TYGL								
1	15112208	Lâm Nguyễn Sanh	Hải	25/08/1997	Nam	2.38	Trung bình	104/2021/DHCQ_NLU
2	15112216	Phạm Bá	Hoàng	30/10/1997	Nam	2.73	Khá	105/2021/DHCQ_NLU
3	15112248	Ngô Thị Ngọc	Trâm	20/10/1997	Nữ	3.31	Giỏi	106/2021/DHCQ_NLU
DH15TYNT								
1	15112264	Trần Thị Hạnh	Dung	21/03/1997	Nữ	2.48	Trung bình	107/2021/DHCQ_NLU
2	15112281	Đoàn Nguyễn Minh	Nguyệt	17/03/1997	Nữ	2.53	Khá	108/2021/DHCQ_NLU
3	15112286	Đặng Văn	Thanh	27/09/1995	Nam	2.35	Trung bình	109/2021/DHCQ_NLU
4	15112300	Hồ Anh	Ty	02/01/1997	Nam	2.51	Khá	110/2021/DHCQ_NLU
5	15112402	Ngô Thị Thanh	Diệu	02/07/1997	Nam	3.12	Khá	111/2021/DHCQ_NLU
6	15112406	Lê Anh	Đức	11/04/1997	Nam	2.69	Khá	112/2021/DHCQ_NLU
7	15112409	Ngô Xuân	Dũng	03/05/1996	Nam	2.71	Khá	113/2021/DHCQ_NLU
8	15112415	Phan Thị Thanh	Hằng	01/03/1997	Nam	2.62	Khá	114/2021/DHCQ_NLU
9	15112427	Ngô Gia	Lãm	29/07/1997	Nam	3.13	Khá	115/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
10	15112454	Phan Hồng	Sơn	02/06/1996	Nam	2.62	Khá	116/2021/DHCQ_NLU
DH16CN								
1	15132083	Trần Ngọc	Quốc	17/06/1996	Nam	2.50	Khá	117/2021/DHCQ_NLU
2	16111003	Võ Thành	An	25/03/1998	Nam	2.67	Khá	118/2021/DHCQ_NLU
3	16111192	Lương Hải	Thanh	16/03/1998	Nam	2.29	Trung bình	119/2021/DHCQ_NLU
4	16111228	Trương Thị Thanh	Tiền	30/05/1997	Nữ	3.08	Khá	120/2021/DHCQ_NLU
5	16111247	Lê Anh	Tuấn	05/02/1998	Nam	3.39	Giỏi	121/2021/DHCQ_NLU
6	16111262	Nguyễn Thị Kiều	Vân	17/07/1998	Nữ	2.70	Khá	122/2021/DHCQ_NLU
7	16111276	Danh	Chạy	15/03/1997	Nam	3.17	Khá	123/2021/DHCQ_NLU
8	16112686	Đoàn Thái	Sơn	25/03/1998	Nam	2.59	Khá	124/2021/DHCQ_NLU
DH16DY								
1	16112672	Nguyễn Thị Yến	Phượng	29/03/1998	Nữ	2.89	Khá	125/2021/DHCQ_NLU
DH16TA								
1	16111223	Ngô Thị Bích	Thủy	19/02/1998	Nữ	2.93	Khá	126/2021/DHCQ_NLU
DH16TY								
1	16112918	Thái Lê	Huy	15/06/1993	Nam	2.30	Trung bình	127/2021/DHCQ_NLU
2	16112946	Lê	Phương	04/15/1994	Nam	2.72	Khá	128/2021/DHCQ_NLU
DH17TY								
1	17112913	Trần Hữu	Phước	01/03/1996	Nam	3.21	Giỏi	129/2021/DHCQ_NLU
Kinh tế								
DH12KE								
1	12123032	Mai Ngọc	Long	15/12/1993	Nam	2.30	Trung bình	130/2021/DHCQ_NLU
DH13KN								
1	13155059	Võ Quốc	Anh	23/05/1994	Nam	2.71	Khá	131/2021/DHCQ_NLU
DH14KE								
1	14123126	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	29/11/1996	Nữ	2.66	Khá	132/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB		Xếp loại	Số vào sổ
DH14KN									
1	14155134	Đặng Tuấn	Vũ	24/10/1995	Nam	2.52		Khá	133/2021/DHCQ_NLU
DH14KT									
1	14120043	Trần Lê Diễm	Quyên	18/09/1996	Nữ	2.51		Khá	134/2021/DHCQ_NLU
DH14TM									
1	14122049	Đỗ Thị Long	Khánh	20/01/1995	Nữ	2.21		Trung bình	135/2021/DHCQ_NLU
2	14122092	Trần Thảo	Nguyên	28/03/1996	Nữ	2.84		Khá	136/2021/DHCQ_NLU
3	14122226	Phạm Thành	Đại	07/02/1996	Nam	2.65		Khá	137/2021/DHCQ_NLU
DH15KE									
1	15123091	Nguyễn Thị Minh	Thu	27/11/1997	Nữ	2.71		Khá	138/2021/DHCQ_NLU
DH15KM									
1	15120125	Dương Ngọc	Phát	20/07/1996	Nam	2.79		Khá	139/2021/DHCQ_NLU
DH15KN									
1	15155019	Đoàn Thị Hồng	Hạnh	05/03/1997	Nữ	2.75		Khá	140/2021/DHCQ_NLU
2	15155041	Nguyễn Như	Ngọc	24/08/1997	Nữ	2.52		Khá	141/2021/DHCQ_NLU
DH15KT									
1	15120194	Phạm Thanh	Trang	22/01/1997	Nữ	2.53		Khá	142/2021/DHCQ_NLU
DH15QT									
1	15122011	Mai Xuân	Bảo	23/07/1997	Nam	2.59		Khá	143/2021/DHCQ_NLU
DH15QTNT									
1	15122298	Lê Văn	Út	16/04/1997	Nam	3.10		Khá	144/2021/DHCQ_NLU
DH15TC									
1	15122228	Phạm Thị Bảo	Trâm	17/10/1997	Nữ	2.71		Khá	145/2021/DHCQ_NLU
DH15TM									
1	15122031	Nguyễn Thị	Diệp	08/07/1997	Nữ	2.94		Khá	146/2021/DHCQ_NLU
2	15122077	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/03/1997	Nữ	3.21		Giỏi	147/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB		Xếp loại	Số vào sổ
3	15122170	Trần Thị Hà	Phương	21/06/1997	Nữ	2.79		Khá	148/2021/DHCQ_NLU
DH16KE									
1	16123027	Phạm Ngọc	Ánh	22/05/1998	Nữ	3.08		Khá	149/2021/DHCQ_NLU
2	16123040	Võ Thị Thanh	Dung	25/09/1998	Nữ	2.71		Khá	150/2021/DHCQ_NLU
3	16123107	Huỳnh Thị	Lai	01/10/1997	Nữ	2.74		Khá	151/2021/DHCQ_NLU
4	16123208	Nguyễn Thị Ngọc	Thùy	22/06/1998	Nữ	3.17		Khá	152/2021/DHCQ_NLU
5	16123400	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	17/09/1997	Nữ	2.56		Khá	153/2021/DHCQ_NLU
DH16KM									
1	16120130	Lê Diệu	Linh	12/7/1998	Nữ	2.95		Khá	154/2021/DHCQ_NLU
DH16KN									
1	16155009	Nguyễn Thị Hồng	Đoan	17/12/1998	Nữ	3.25		Giỏi	155/2021/DHCQ_NLU
2	16155031	Hồ Hoàng Ngọc	Khánh	30/01/1997	Nam	2.79		Khá	156/2021/DHCQ_NLU
3	16155057	Nguyễn Hữu	Phúc	23/02/1998	Nam	3.43		Giỏi	157/2021/DHCQ_NLU
DH16KT									
1	16120039	Phan Thị Hồng	Diễm	30/07/1998	Nữ	3.01		Khá	158/2021/DHCQ_NLU
2	16120188	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	22/02/1998	Nữ	3.03		Khá	159/2021/DHCQ_NLU
3	16120307	Đoàn Thị Kim	Tuyền	14/02/1998	Nữ	3.11		Khá	160/2021/DHCQ_NLU
DH16PT									
1	16121037	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	20/01/1998	Nữ	2.62		Khá	161/2021/DHCQ_NLU
2	16121054	Nguyễn Hồng	Thuấn	09/01/1998	Nam	2.66		Khá	162/2021/DHCQ_NLU
DH16QT									
1	16122110	Lưu Lâm	Hồ	19/09/1998	Nam	3.07		Khá	163/2021/DHCQ_NLU
2	16122135	Ngô Bảo	Khang	28/06/1998	Nam	2.82		Khá	164/2021/DHCQ_NLU
3	16122148	Nguyễn An	Lành	04/02/1998	Nữ	3.11		Khá	165/2021/DHCQ_NLU
4	16130580	Trần Vĩnh	Thành	04/09/1998	Nam	2.74		Khá	166/2021/DHCQ_NLU
DH16TC									
1	16122335	Hoàng Thị Huyền	Trang	25/01/1998	Nữ	2.50		Khá	167/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH16TM								
1	16122153	Đào Lê Hoài	Linh	14/12/1998	Nữ	3.20	Giỏi	168/2021/DHCQ_NLU
2	16122385	Đặng Hoàng Thảo	Vy	14/10/1998	Nữ	3.20	Giỏi	169/2021/DHCQ_NLU
DH17KE								
1	17123003	Phùng Hoàng Vân	Anh	20/08/1999	Nữ	3.62	Xuất sắc	170/2021/DHCQ_NLU
2	17123009	TrịnH Thị Thùy	Diễm	10/07/1999	Nữ	3.43	Giỏi	171/2021/DHCQ_NLU
3	17123010	Bùi Thị	Dung	10/08/1999	Nữ	2.97	Khá	172/2021/DHCQ_NLU
4	17123011	Nguyễn Thị Thùy	Dung	08/09/1999	Nữ	3.25	Giỏi	173/2021/DHCQ_NLU
5	17123019	Đoàn Thị Thu	Hằng	06/07/1999	Nữ	2.87	Khá	174/2021/DHCQ_NLU
6	17123041	Lê Thị	Lài	04/09/1999	Nữ	3.13	Khá	175/2021/DHCQ_NLU
7	17123045	Nguyễn Thị	Liễu	11/08/1999	Nữ	3.40	Giỏi	176/2021/DHCQ_NLU
8	17123063	Trương Thị Thanh	Ngân	21/11/1999	Nữ	2.73	Khá	177/2021/DHCQ_NLU
9	17123064	Huỳnh Triều	Nghi	27/10/1998	Nữ	2.83	Khá	178/2021/DHCQ_NLU
10	17123065	Đỗ Bích	Ngọc	23/09/1999	Nữ	3.42	Giỏi	179/2021/DHCQ_NLU
11	17123072	Văn Nguyễn Mỹ	Nhi	19/12/1999	Nữ	2.88	Khá	180/2021/DHCQ_NLU
12	17123073	Cao Nguyễn Quỳnh	Như	27/10/1999	Nữ	3.17	Khá	181/2021/DHCQ_NLU
13	17123074	Lê Thị	Như	17/10/1999	Nữ	3.37	Giỏi	182/2021/DHCQ_NLU
14	17123079	Trần Thị	Nhung	08/03/1998	Nữ	2.74	Khá	183/2021/DHCQ_NLU
15	17123084	Huỳnh Ngọc Hương	Quỳnh	19/11/1999	Nữ	2.92	Khá	184/2021/DHCQ_NLU
16	17123090	Cao Thị Thanh	Thảo	16/12/1999	Nữ	3.29	Giỏi	185/2021/DHCQ_NLU
17	17123092	Nguyễn Thị	Thảo	25/11/1999	Nữ	2.87	Khá	186/2021/DHCQ_NLU
18	17123094	Hà Thị Mai	Thi	12/10/1999	Nữ	3.14	Khá	187/2021/DHCQ_NLU
19	17123095	Nguyễn Thị Xuân	Thi	03/08/1999	Nữ	3.20	Giỏi	188/2021/DHCQ_NLU
20	17123098	Nguyễn Thị Hoài	Thương	10/09/1999	Nữ	2.86	Khá	189/2021/DHCQ_NLU
21	17123101	Nguyễn Thị Thu	Thủy	02/01/1999	Nữ	3.71	Xuất sắc	190/2021/DHCQ_NLU
22	17123102	Lê Ngọc	Thy	07/12/1999	Nữ	2.96	Khá	191/2021/DHCQ_NLU
23	17123103	Nguyễn Anh	Thy	30/11/1999	Nữ	3.00	Khá	192/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB		Xếp loại	Số vào sổ
24	17123104	Lê Thị Mỹ	Tiên	11/03/1999	Nữ	2.88		Khá	193/2021/DHCQ_NLU
25	17123106	Lê Thị	Tình	20/07/1999	Nữ	2.97		Khá	194/2021/DHCQ_NLU
26	17123109	Hà Kiều	Trang	10/12/1999	Nữ	3.62		Xuất sắc	195/2021/DHCQ_NLU
27	17123112	Phùng Thị Hiền	Trang	08/04/1999	Nữ	2.87		Khá	196/2021/DHCQ_NLU
28	17123116	Đỗ Thị Ngọc	Trinh	30/07/1999	Nữ	2.83		Khá	197/2021/DHCQ_NLU
29	17123119	Trần Thị	Trinh	19/05/1999	Nữ	3.69		Xuất sắc	198/2021/DHCQ_NLU
30	17123120	Trần Thị Tuyết	Trinh	03/10/1999	Nữ	3.12		Khá	199/2021/DHCQ_NLU
31	17123123	Võ Thị Thanh	Tuyền	15/05/1999	Nữ	3.12		Khá	200/2021/DHCQ_NLU
32	17123132	Nguyễn Vũ Kim	Vui	20/08/1999	Nữ	2.63		Khá	201/2021/DHCQ_NLU
DH17KM									
1	17120054	Trần Thị	Hoanh	27/07/1999	Nữ	3.44		Giỏi	202/2021/DHCQ_NLU
2	17120058	Nguyễn Thị	Hương	08/03/1999	Nữ	3.55		Giỏi	203/2021/DHCQ_NLU
3	17120132	Nguyễn Thị Thu	Phương	29/08/1999	Nữ	3.23		Giỏi	204/2021/DHCQ_NLU
4	17120168	Phạm Thị Đăng	Thơ	29/09/1999	Nữ	3.32		Giỏi	205/2021/DHCQ_NLU
DH17KN									
1	17155036	Phạm Thị Hương	Nguyệt	12/06/1998	Nữ	2.94		Khá	206/2021/DHCQ_NLU
2	17155038	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	10/10/1999	Nữ	2.72		Khá	207/2021/DHCQ_NLU
3	17155048	Trần Thị	Phương	17/02/1999	Nữ	3.29		Giỏi	208/2021/DHCQ_NLU
4	17155050	Trương Thị	Quế	06/08/1999	Nữ	2.67		Khá	209/2021/DHCQ_NLU
5	17155051	Trần Thị Thủy	Quyên	06/01/1999	Nữ	3.21		Giỏi	210/2021/DHCQ_NLU
6	17155059	Nguyễn Thị Anh	Thy	24/03/1999	Nữ	2.83		Khá	211/2021/DHCQ_NLU
7	17155072	Trần Thị	Vy	02/02/1999	Nữ	2.94		Khá	212/2021/DHCQ_NLU
DH17KT									
1	17120016	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	08/09/1999	Nữ	3.20		Giỏi	213/2021/DHCQ_NLU
2	17120044	Hồ Thị	Hiền	18/03/1999	Nữ	3.13		Khá	214/2021/DHCQ_NLU
3	17120048	Hồ Ngọc	Hiệp	26/03/1999	Nam	3.16		Khá	215/2021/DHCQ_NLU
4	17120051	Phan Đức	Hiếu	27/08/1999	Nam	2.82		Khá	216/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
5	17120063	Nguyễn Thị	Huyền	20/05/1999	Nữ	3.63	Xuất sắc	217/2021/DHCQ_NLU
6	17120085	Võ Nguyễn Bảo	Lộc	26/09/1999	Nam	3.26	Giỏi	218/2021/DHCQ_NLU
7	17120097	Nguyễn Duy	Nam	07/11/1999	Nam	3.09	Khá	219/2021/DHCQ_NLU
8	17120116	Hồ Thị	Nhị	15/01/1999	Nữ	3.62	Xuất sắc	220/2021/DHCQ_NLU
9	17120118	Phan Thị Tố	Như	09/06/1999	Nữ	3.09	Khá	221/2021/DHCQ_NLU
10	17120119	Trần Thị Huỳnh	Như	23/07/1999	Nữ	3.09	Khá	222/2021/DHCQ_NLU
11	17120131	Nguyễn Thị Nhật	Phương	03/09/1999	Nữ	2.93	Khá	223/2021/DHCQ_NLU
12	17120141	Võ Thị Mỹ	Quyên	08/02/1999	Nữ	3.26	Giỏi	224/2021/DHCQ_NLU
13	17120143	Phạm Tấn	Quỳnh	15/04/1999	Nam	3.19	Khá	225/2021/DHCQ_NLU
14	17120149	Nguyễn Thanh	Tâm	13/10/1999	Nữ	3.39	Giỏi	226/2021/DHCQ_NLU
15	17120183	Vi Văn	Toàn	24/02/1999	Nam	3.07	Khá	227/2021/DHCQ_NLU
16	17120193	Trần Thị Huyền	Trang	22/05/1999	Nữ	3.36	Giỏi	228/2021/DHCQ_NLU
17	17120195	Huỳnh Thị	Trinh	02/01/1999	Nữ	3.61	Xuất sắc	229/2021/DHCQ_NLU
18	17120201	Hà Lâm Cát	Tường	20/11/1999	Nữ	3.18	Khá	230/2021/DHCQ_NLU
19	17120214	Dương Hải	Yến	16/04/1999	Nữ	3.08	Khá	231/2021/DHCQ_NLU
DH17PT								
1	17121017	Phạm Văn	Sỹ	18/12/1998	Nam	2.77	Khá	232/2021/DHCQ_NLU
DH17QT								
1	17122084	Hoàng Thị	Loan	05/02/1999	Nữ	3.19	Khá	233/2021/DHCQ_NLU
2	17122090	Nguyễn Hoài	Nam	05/10/1999	Nam	3.16	Khá	234/2021/DHCQ_NLU
3	17122105	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	06/10/1999	Nữ	3.55	Giỏi	235/2021/DHCQ_NLU
4	17122141	Lưu Võ Phương	Thanh	30/10/1999	Nữ	3.30	Giỏi	236/2021/DHCQ_NLU
5	17122157	Trần Quý	Thuận	25/12/1999	Nam	2.91	Khá	237/2021/DHCQ_NLU
6	17122158	Trần Thị Thanh	Thuận	19/07/1999	Nữ	3.39	Giỏi	238/2021/DHCQ_NLU
7	17122190	Ngô Thị Minh	Trúc	08/11/1999	Nữ	3.27	Giỏi	239/2021/DHCQ_NLU
8	17122201	Nguyễn Ngọc	Tuyết	18/04/1999	Nữ	2.75	Khá	240/2021/DHCQ_NLU
9	17122209	Hồ Quang	Vinh	08/12/1999	Nam	2.63	Khá	241/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB		Xếp loại	Số vào sổ
DH17QTNT									
1	17122265	Trần Nguyễn Ngọc	Tuyền	21/05/1999	Nữ	3.25		Giỏi	242/2021/DHCQ_NLU
DH17TC									
1	17122003	Lê Thị Thúy	Anh	30/09/1999	Nữ	3.15		Khá	243/2021/DHCQ_NLU
2	17122012	Nguyễn Thị	Bông	06/04/1999	Nữ	3.08		Khá	244/2021/DHCQ_NLU
3	17122038	Phan Thị Bích	Hạnh	15/08/1999	Nữ	3.17		Khá	245/2021/DHCQ_NLU
4	17122050	Trần Thị	Hồng	22/09/1999	Nữ	3.43		Giỏi	246/2021/DHCQ_NLU
5	17122087	Võ Thị Ngọc	Mai	22/05/1999	Nữ	3.32		Giỏi	247/2021/DHCQ_NLU
6	17122108	Lê Nguyễn Dư	Như	06/09/1999	Nữ	3.10		Khá	248/2021/DHCQ_NLU
DH17TM									
1	17122001	Nguyễn Thiên	Ân	10/06/1999	Nữ	3.41		Giỏi	249/2021/DHCQ_NLU
2	17122010	Nguyễn Thị Như	Bình	15/11/1999	Nữ	3.25		Giỏi	250/2021/DHCQ_NLU
3	17122037	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	05/10/1999	Nữ	3.15		Khá	251/2021/DHCQ_NLU
4	17122039	Nguyễn Thị Như	Hảo	03/09/1999	Nữ	3.25		Giỏi	252/2021/DHCQ_NLU
5	17122068	Huỳnh Thị Thúy	Kiều	04/05/1999	Nữ	3.15		Khá	253/2021/DHCQ_NLU
6	17122073	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	10/05/1999	Nữ	2.93		Khá	254/2021/DHCQ_NLU
7	17122099	Trần VũMỹ	Ngọc	24/12/1999	Nữ	3.13		Khá	255/2021/DHCQ_NLU
8	17122116	Lê Thị	Oanh	03/01/1999	Nữ	2.79		Khá	256/2021/DHCQ_NLU
9	17122118	Nguyễn Mỹ	Phố	25/08/1999	Nữ	3.25		Giỏi	257/2021/DHCQ_NLU
10	17122147	Lê Thị Phương	Thảo	05/03/1999	Nữ	3.11		Khá	258/2021/DHCQ_NLU
11	17122160	Phan Nguyễn Xuân	Thủy	03/07/1999	Nữ	2.94		Khá	259/2021/DHCQ_NLU
12	17122161	Đỗ Bích	Thủy	07/05/1999	Nữ	3.05		Khá	260/2021/DHCQ_NLU
13	17122177	Nguyễn Trần Kim	Trân	20/10/1999	Nữ	3.00		Khá	261/2021/DHCQ_NLU
14	17122185	Nguyễn Thị Tú	Trinh	21/04/1999	Nữ	3.24		Giỏi	262/2021/DHCQ_NLU
15	17122219	PhanHải	Yến	19/05/1999	Nữ	3.20		Giỏi	263/2021/DHCQ_NLU
LT16QT									
1	16422003	Vũ Thành	Hưng	09/01/1991	Nam	3.38		Giỏi	264/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	16422007	Nguyễn Thị	Loan	08/03/1995	Nữ	3.17	Khá	265/2021/DHCQ_NLU
3	16422017	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên	23/06/1994	Nữ	3.31	Giỏi	266/2021/DHCQ_NLU
Lâm nghiệp								
DH12GN								
1	12115097	Trần Mạnh	Quyết	01/01/1993	Nam	2.42	Trung bình	267/2021/DHCQ_NLU
DH13GB								
1	13115116	Nguyễn Hoàng	Thương	01/01/1995	Nam	2.21	Trung bình	268/2021/DHCQ_NLU
DH13QR								
1	13114512	Lê Thị Khánh	Thiên	01/04/1995	Nữ	2.46	Trung bình	269/2021/DHCQ_NLU
DH14CB								
1	14114032	Nguyễn Mai Thái	Hà	23/02/1996	Nam	2.58	Khá	270/2021/DHCQ_NLU
DH14GN								
1	14115032	Nguyễn Minh	Hiền	03/06/1996	Nam	2.56	Khá	271/2021/DHCQ_NLU
2	14115224	Trần Hoài	Phương	23/03/1996	Nam	2.54	Khá	272/2021/DHCQ_NLU
3	14115426	Lê Tấn	Anh	17/10/1994	Nam	2.66	Khá	273/2021/DHCQ_NLU
DH14LN								
1	14114272	Bùi Anh	Tiến	4/3 /1996	Nam	2.34	Trung bình	274/2021/DHCQ_NLU
DH14NK								
1	14114257	Nguyễn Văn	Phú	27/07/1995	Nam	2.72	Khá	275/2021/DHCQ_NLU
DH15CB								
1	15115057	Hoàng Tăng	Hoài	21/04/1996	Nam	2.50	Khá	276/2021/DHCQ_NLU
DH15GB								
1	15115205	Nguyễn Bảo	Yến	26/08/1997	Nữ	2.61	Khá	277/2021/DHCQ_NLU
DH15LN								
1	15114053	Trần Ngọc	Hòa	11/09/1997	Nam	2.36	Trung bình	278/2021/DHCQ_NLU
2	15114191	Đoàn Mạnh	Tuấn	03/07/1997	Nữ	2.52	Khá	279/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB		Xếp loại	Số vào sổ
3	15114208	Lê Thị Ánh	Vy	07/10/1995	Nữ	2.80		Khá	280/2021/DHCQ_NLU
DH15LNGL									
1	15114237	Phan Mộng Bảo	Hưng	06/03/1997	Nam	2.57		Khá	281/2021/DHCQ_NLU
DH16GB									
1	16115198	Nguyễn Thanh	Tuyền	04/01/1998	Nữ	2.80		Khá	282/2021/DHCQ_NLU
2	16115207	Huỳnh Thị Kim	Vũ	09/05/1998	Nữ	2.94		Khá	283/2021/DHCQ_NLU
DH16GN									
1	16114271	Phạm Quỳnh	Như	08/10/1998	Nữ	2.89		Khá	284/2021/DHCQ_NLU
2	16115036	Huỳnh Ngọc	Hải	30/08/1998	Nam	2.93		Khá	285/2021/DHCQ_NLU
DH16LN									
1	16114318	Võ Văn	Tú	26/01/1998	Nam	2.58		Khá	286/2021/DHCQ_NLU
2	16114320	Ngô Mạnh	Tường	02/04/1998	Nam	3.11		Khá	287/2021/DHCQ_NLU
3	16114380	Phan Thanh	Tân	09/03/1998	Nam	2.67		Khá	288/2021/DHCQ_NLU
DH16QR									
1	16114255	Đoàn Thị Hồng	Loan	16/06/1998	Nữ	2.72		Khá	289/2021/DHCQ_NLU
DH17GN									
1	17115024	Lê Thị Mỹ	Duyên	26/12/1999	Nữ	3.01		Khá	290/2021/DHCQ_NLU
2	17115026	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	15/02/1999	Nữ	2.87		Khá	291/2021/DHCQ_NLU
Môi trường và Tài nguyên									
DH12GI									
1	12162082	Đoàn Thị Kim	Phụng	25/03/1994	Nữ	2.55		Khá	292/2021/DHCQ_NLU
DH13QMNT									
1	13149789	Phạm Thị Như Kiều	Anh	03/03/1995	Nữ	2.53		Khá	293/2021/DHCQ_NLU
DH14CH									
1	14131058	Hoàng Văn	Hiếu	01/10/1996	Nam	2.84		Khá	294/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH14QMNT								
1	14149363	Huỳnh Lê	Khanh	10/10/1996	Nam	2.97	Khá	295/2021/DHCQ_NLU
2	14149415	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	14/10/1994	Nam	2.82	Khá	296/2021/DHCQ_NLU
DH15CH								
1	15131050	Bùi Đăng	Khoa	22/02/1997	Nam	2.90	Khá	297/2021/DHCQ_NLU
2	15132007	Huỳnh Văn	Chung	18/03/1996	Nam	2.73	Khá	298/2021/DHCQ_NLU
DH15DL								
1	15149024	Đinh Thị Kim	Dung	19/08/1997	Nữ	2.73	Khá	299/2021/DHCQ_NLU
2	15149078	Hồ Thị Vân	Mộng	29/04/1996	Nữ	2.90	Khá	300/2021/DHCQ_NLU
DH15ES								
1	15163019	Nguyễn Thị Thu	Hiền	15/01/1997	Nữ	2.68	Khá	301/2021/DHCQ_NLU
2	15163054	Phạm Đức	Phước	19/03/1997	Nam	2.66	Khá	302/2021/DHCQ_NLU
DH15GI								
1	15162013	Trần Phan Xuân	Hồng	01/01/1997	Nữ	3.03	Khá	303/2021/DHCQ_NLU
2	15162017	Võ Nguyễn Tri	Hữu	29/07/1997	Nam	2.46	Trung bình	304/2021/DHCQ_NLU
3	15162020	Phạm Ngọc	Lánh	07/02/1997	Nữ	2.72	Khá	305/2021/DHCQ_NLU
4	15162025	Trương Thị	Luận	20/03/1997	Nữ	2.91	Khá	306/2021/DHCQ_NLU
DH15MT								
1	15127055	Trần Thị Thiên	Kiều	27/08/1997	Nữ	3.01	Khá	307/2021/DHCQ_NLU
2	15127063	Lâm Thị Thúy	Loan	08/10/1997	Nữ	2.36	Trung bình	308/2021/DHCQ_NLU
3	15127095	Phạm Hữu	Phước	17/04/1997	Nam	2.53	Khá	309/2021/DHCQ_NLU
4	15127115	Ngô Chí	Thanh	04/09/1996	Nam	2.53	Khá	310/2021/DHCQ_NLU
5	15127140	Nguyễn Ngọc	Trinh	03/05/1997	Nữ	2.56	Khá	311/2021/DHCQ_NLU
6	15127149	Lê Nguyễn Lam	Tuyền	17/10/1997	Nữ	2.65	Khá	312/2021/DHCQ_NLU
DH15QM								
1	15149042	Mạch Thị Mỹ	Hiền	28/05/1997	Nữ	2.77	Khá	313/2021/DHCQ_NLU
2	15149060	Nguyễn Duy	Khang	17/04/1996	Nam	2.53	Khá	314/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB		Xếp loại	Số vào sổ
3	15149061	Nguyễn Duy	Khang	28/03/1997	Nam	2.78		Khá	315/2021/DHCQ_NLU
4	15149168	Huỳnh Quốc	Vương	03/04/1997	Nam	2.64		Khá	316/2021/DHCQ_NLU
DH15QMNT									
1	15149233	Trương Minh	Đức	28/09/1997	Nam	2.82		Khá	317/2021/DHCQ_NLU
DH15TK									
1	15131106	Trần Thị Mỹ	Phụng	23/08/1997	Nữ	2.83		Khá	318/2021/DHCQ_NLU
DH16CH									
1	16131001	Nguyễn Tuấn	Ái	18/11/1997	Nam	2.64		Khá	319/2021/DHCQ_NLU
2	16131020	Nguyễn Thị Hồng	Châu	17/09/1998	Nữ	2.91		Khá	320/2021/DHCQ_NLU
3	16131043	Lê Thị Mỹ	Duyên	16/06/1998	Nữ	3.25		Giỏi	321/2021/DHCQ_NLU
4	16131082	Phạm Thị	Hồng	10/08/1997	Nữ	2.98		Khá	322/2021/DHCQ_NLU
5	16131122	Lê Thị	Mến	26/12/1998	Nữ	3.12		Khá	323/2021/DHCQ_NLU
6	16131187	Nguyễn Thị Ái	Phượng	01/09/1998	Nữ	2.96		Khá	324/2021/DHCQ_NLU
DH16ES									
1	16163082	Nguyễn Minh	Trí	27/11/1998	Nam	2.79		Khá	325/2021/DHCQ_NLU
2	16163087	Vũ Thảo Thanh	Vân	04/01/1997	Nữ	3.21		Giỏi	326/2021/DHCQ_NLU
3	16163092	Ny Chanh Ly	Đa	27/02/1997	Nữ	2.96		Khá	327/2021/DHCQ_NLU
DH16MT									
1	16127004	Lê Thị Ngọc	Anh	06/07/1998	Nữ	3.17		Khá	328/2021/DHCQ_NLU
2	16127045	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/08/1998	Nữ	2.74		Khá	329/2021/DHCQ_NLU
3	16127048	Phạm Thị Thu	Lan	25/12/1998	Nữ	2.91		Khá	330/2021/DHCQ_NLU
4	16127072	Thượng Duy	Ngọc	16/02/1998	Nữ	2.78		Khá	331/2021/DHCQ_NLU
5	16127074	Huỳnh Danh	Nhân	02/08/1998	Nam	2.97		Khá	332/2021/DHCQ_NLU
6	16127078	Trương Yến	Nhi	06/03/1998	Nữ	3.12		Khá	333/2021/DHCQ_NLU
7	16127083	Từ Thị Kim	Nhung	30/10/1998	Nữ	2.62		Khá	334/2021/DHCQ_NLU
8	16127085	Trần Thị Kim	Oanh	05/06/1998	Nữ	2.88		Khá	335/2021/DHCQ_NLU
9	16127116	Chế Thị Lệ	Thu	12/10/1998	Nữ	3.13		Khá	336/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB		Xếp loại	Số vào sổ
10	16127119	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	14/09/1998	Nữ	2.98		Khá	337/2021/DHCQ_NLU
11	16127127	Lê Thị Thu	Thủy	28/09/1998	Nữ	3.01		Khá	338/2021/DHCQ_NLU
12	16127132	Sơn Thị Huyền	Trang	30/08/1998	Nữ	3.12		Khá	339/2021/DHCQ_NLU
13	16127146	Phạm Thị Trúc	Quyên	16/12/1997	Nữ	2.68		Khá	340/2021/DHCQ_NLU
DH16QM									
1	16149015	Nguyễn Thùy	Dương	25/06/1998	Nữ	2.68		Khá	341/2021/DHCQ_NLU
2	16149024	Lê Thị	Hằng	26/12/1997	Nữ	2.77		Khá	342/2021/DHCQ_NLU
3	16149126	Nguyễn Trần Hửu	Thoại	04/12/1998	Nam	2.95		Khá	343/2021/DHCQ_NLU
4	16149194	Dương Thị Thu	Trang	30/06/1997	Nữ	2.55		Khá	344/2021/DHCQ_NLU
DH16TK									
1	16131085	Nguyễn Huỳnh Thu	Hương	13/02/1998	Nữ	2.87		Khá	345/2021/DHCQ_NLU
2	16131244	Trần Thanh	Toản	16/05/1998	Nam	2.77		Khá	346/2021/DHCQ_NLU
Nông học									
DH13NHB									
1	13113176	Huỳnh Tiến	Quốc	25/04/1995	Nam	2.17		Trung bình	347/2021/DHCQ_NLU
DH14NHA									
1	14113016	Võ Thị Cẩm	Châu	20/05/1995	Nữ	3.09		Khá	348/2021/DHCQ_NLU
2	14113197	Nguyễn La Gia	Thạnh	17/10/1996	Nam	2.84		Khá	349/2021/DHCQ_NLU
DH14NHGL									
1	14113271	Võ Thị Minh	Hậu	12/01/1996	Nữ	2.81		Khá	350/2021/DHCQ_NLU
DH15BV									
1	15145079	Trần Nguyễn Bảo	Trân	19/12/1997	Nữ	2.90		Khá	351/2021/DHCQ_NLU
2	15145095	Trương Hữu	Đức	12/01/1996	Nam	2.79		Khá	352/2021/DHCQ_NLU
DH15NHA									
1	14155061	Hồ Văn	Tín	06/06/1996	Nam	2.99		Khá	353/2021/DHCQ_NLU
2	15113079	Lê Thị Thảo	Nhu	03/02/1997	Nữ	3.21		Khá	354/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB		Xếp loại	Số vào sổ
3	15113105	Cao Thanh	Thảo	15/11/1996	Nữ	3.20		Giỏi	355/2021/DHCQ_NLU
DH15NHB									
1	14113002	Hồ Phước	An	14/10/1995	Nam	2.81		Khá	356/2021/DHCQ_NLU
2	15113068	Nguyễn Ngọc	Nam	09/05/1997	Nam	2.59		Khá	357/2021/DHCQ_NLU
DH15NHGL									
1	15113175	Đặng Hoàng	Phúc	08/04/1997	Nữ	2.52		Khá	358/2021/DHCQ_NLU
2	15113251	Bùi Hưng	Nguyên		Nam	2.96		Khá	359/2021/DHCQ_NLU
DH15NHNT									
1	15113199	Nguyễn Hữu	Điệu	20/08/1997	Nữ	2.81		Khá	360/2021/DHCQ_NLU
2	15113272	Quảng Thị Hồng	Quả	17/09/1996	Nam	2.91		Khá	361/2021/DHCQ_NLU
DH16BV									
1	16145176	Nguyễn Văn Khánh	Đức	07/12/1998	Nam	2.77		Khá	362/2021/DHCQ_NLU
2	16145184	Nguyễn Ngọc	Hân	24/08/1998	Nữ	3.17		Khá	363/2021/DHCQ_NLU
3	16145193	Phạm Quang	Hùng	20/04/1997	Nam	2.86		Khá	364/2021/DHCQ_NLU
4	16145214	Nguyễn Thành	Luân	10/02/1998	Nam	3.04		Khá	365/2021/DHCQ_NLU
5	16145227	Đào Thị Thuỳ	Nhân	19/12/1998	Nữ	3.19		Khá	366/2021/DHCQ_NLU
6	16145228	Lê Hữu	Nhân	16/02/1997	Nam	2.82		Khá	367/2021/DHCQ_NLU
7	16145234	Phạm Thị Hồng	Nhung	21/07/1998	Nữ	3.08		Khá	368/2021/DHCQ_NLU
8	16145239	Phạm Vũ Hoài	Phương	30/09/1998	Nam	3.04		Khá	369/2021/DHCQ_NLU
9	16145259	Nguyễn Thị Hồng	Thu	22/09/1998	Nữ	3.45		Giỏi	370/2021/DHCQ_NLU
10	16145267	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/12/1998	Nữ	2.91		Khá	371/2021/DHCQ_NLU
11	16145271	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	11/12/1998	Nữ	3.04		Khá	372/2021/DHCQ_NLU
12	16145283	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	23/04/1998	Nữ	3.30		Giỏi	373/2021/DHCQ_NLU
DH16NHA									
1	16113018	Nguyễn Phương	Đình	17/02/1997	Nam	2.97		Khá	374/2021/DHCQ_NLU
2	16113066	Nguyễn Thị Kim	Loan	14/07/1998	Nữ	2.94		Khá	375/2021/DHCQ_NLU
3	16113073	Huỳnh Đức	Mạnh	27/08/1998	Nam	2.94		Khá	376/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
4	16113118	Long Văn	Tân	18/09/1998	Nam	3.02	Khá	377/2021/DHCQ_NLU
5	16113150	Đỗ Thị Huyền	Trân	25/05/1997	Nữ	3.26	Giỏi	378/2021/DHCQ_NLU
6	16113165	Nguyễn Tường	Vi	10/08/1998	Nữ	2.53	Khá	379/2021/DHCQ_NLU
DH16NHB								
1	16113028	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	26/09/1998	Nữ	3.33	Giỏi	380/2021/DHCQ_NLU
2	16113149	Vũ Thị Ngọc	Trâm	22/12/1997	Nữ	2.88	Khá	381/2021/DHCQ_NLU
3	16113248	K'	Quý	24/09/1997	Nữ	3.00	Khá	382/2021/DHCQ_NLU
DH16NHGL								
1	16113191	Nguyễn Huỳnh Trọng	Nghĩa	08/08/1997	Nam	2.42	Trung bình	383/2021/DHCQ_NLU
2	16113229	Đỗ Như Hoàng	Lâm	10/11/1998	Nam	3.04	Khá	384/2021/DHCQ_NLU
DH16NHNT								
1	16113225	Nguyễn Ngọc	Trâm	12/12/1998	Nữ	2.65	Khá	385/2021/DHCQ_NLU
2	16122403	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	22/11/1997	Nữ	2.86	Khá	386/2021/DHCQ_NLU
Ngoại ngữ - Sư phạm								
DH14AV								
1	14128016	Nguyễn Công Khánh	Duy	16/06/1996	Nam	2.63	Khá	387/2021/DHCQ_NLU
2	14128058	Ka"	Lũy	06/09/1996	Nữ	2.64	Khá	388/2021/DHCQ_NLU
DH14SP								
1	14132160	Lê Hoàng	Khang	30/01/1996	Nam	2.72	Khá	389/2021/DHCQ_NLU
DH15AV								
1	15128022	Lại Tiến	Dũng	19/10/1997	Nam	2.64	Khá	390/2021/DHCQ_NLU
2	15128049	Hoàng Diệu	Linh	24/08/1997	Nữ	2.50	Khá	391/2021/DHCQ_NLU
3	15128110	Phạm Trần Duy	Thức	29/09/1997	Nam	2.27	Trung bình	392/2021/DHCQ_NLU
DH15SP								
1	15132005	Nguyễn Thị Bích	Chi	02/02/1997	Nữ	2.59	Khá	393/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH16AV								
1	16128003	Đinh Trần Tiến	Anh	12/08/1998	Nam	2.85	Khá	394/2021/DHCQ_NLU
2	16128023	Phan Thị Hương	Giang	20/07/1998	Nữ	2.45	Trung bình	395/2021/DHCQ_NLU
3	16128045	Nguyễn Thị	Linh	17/10/1998	Nữ	2.46	Trung bình	396/2021/DHCQ_NLU
4	16128086	Lê Hoàng	Quý	10/01/1998	Nam	2.58	Khá	397/2021/DHCQ_NLU
5	16128140	Huỳnh Ngọc Thúy	Vy	09/12/1998	Nữ	2.44	Trung bình	398/2021/DHCQ_NLU
6	16128180	Vũ Thị Huyền	Trang	10/02/1998	Nữ	2.57	Khá	399/2021/DHCQ_NLU
7	16128904	Sống Song	Nguyễn	09/05/1996	Nữ	3.08	Khá	400/2021/DHCQ_NLU
DH16SP								
1	16132260	Lê Thị Ngọc	Anh	21/06/1998	Nữ	3.03	Khá	401/2021/DHCQ_NLU
2	16132272	Nguyễn Thị Nhật	Chiêu	10/02/1998	Nữ	2.82	Khá	402/2021/DHCQ_NLU
3	16132314	Trịnh Thị Ngọc	Hương	10/01/1998	Nữ	3.14	Khá	403/2021/DHCQ_NLU
4	16132316	Trần Thị Như	Huỳnh	11/04/1997	Nữ	2.80	Khá	404/2021/DHCQ_NLU
5	16132373	Nguyễn Thị Lệ	Sương	15/10/1998	Nữ	2.98	Khá	405/2021/DHCQ_NLU
Quản lý đất đai và Bất động sản								
DH12QLGL								
1	12124416	Nguyễn Mạnh	Hùng	30/12/1994	Nam	2.24	Trung bình	406/2021/DHCQ_NLU
DH13QD								
1	13124011	Nguyễn Tuấn	Anh	26/02/1994	Nam	2.23	Trung bình	407/2021/DHCQ_NLU
DH13QL								
1	13124019	Vũ Mai Ngọc	Anh	18/05/1995	Nam	2.15	Trung bình	408/2021/DHCQ_NLU
DH13TB								
1	13124216	Nguyễn Khánh	Minh	26/09/1995	Nam	2.18	Trung bình	409/2021/DHCQ_NLU
DH14DC								
1	14124322	Triệu Hồng	Thơm	21/01/1996	Nữ	2.78	Khá	410/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB		Xếp loại	Số vào sổ
DH14QLNT									
1	14124597	Trảo Văn	Thức	16/01/1996	Nam	2.55		Khá	411/2021/DHCQ_NLU
DH15QD									
1	15124260	Nguyễn Minh	Thắng	06/10/1997	Nam	2.76		Khá	412/2021/DHCQ_NLU
2	15124363	Phạm Thái Thủy	Vy	17/11/1997	Nữ	2.57		Khá	413/2021/DHCQ_NLU
DH15QLA									
1	15124105	Trịnh Nguyễn	Hưng	24/11/1997	Nam	2.49		Trung bình	414/2021/DHCQ_NLU
2	15124265	Lê Tấn	Thành	24/10/1996	Nam	2.54		Khá	415/2021/DHCQ_NLU
DH15QLB									
1	15124060	Phan Vũ Quỳnh	Duyên	23/10/1996	Nữ	2.62		Khá	416/2021/DHCQ_NLU
2	15124067	Lê Thu	Hà	14/05/1997	Nữ	2.63		Khá	417/2021/DHCQ_NLU
3	15124233	Nguyễn Hồng Quỳnh	Phương	06/09/1997	Nữ	2.81		Khá	418/2021/DHCQ_NLU
4	15124268	Nguyễn Lê Trung	Thành	21/02/1997	Nam	2.53		Khá	419/2021/DHCQ_NLU
DH15QLNT									
1	15124388	Trương Điền	Quân	21/01/1994	Nam	2.78		Khá	420/2021/DHCQ_NLU
2	15124390	Lê Văn	Tiến	10/03/1995	Nam	2.56		Khá	421/2021/DHCQ_NLU
DH15TB									
1	15124210	Lê Thị Loan	Oanh	29/12/1997	Nữ	2.79		Khá	422/2021/DHCQ_NLU
DH16QL									
1	16124040	Bạch Việt	Đức	21/08/1998	Nam	2.55		Khá	423/2021/DHCQ_NLU
2	16124088	Nguyễn Thành	Luân	12/04/1998	Nam	2.64		Khá	424/2021/DHCQ_NLU
3	16124127	Hạ Thanh	Phương	07/07/1998	Nam	2.86		Khá	425/2021/DHCQ_NLU
4	16124133	Đào Phú	Sang	28/09/1997	Nam	3.11		Khá	426/2021/DHCQ_NLU
5	16124142	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	28/08/1998	Nữ	2.84		Khá	427/2021/DHCQ_NLU
6	16124246	Cao Đức	Ninh	24/08/1997	Nam	2.82		Khá	428/2021/DHCQ_NLU
7	16124271	Giang Vĩnh	Hảo	11/09/1998	Nam	2.90		Khá	429/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
LT16QL								
1	16424003	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	20/03/1989	Nữ	2.33	Trung bình	430/2021/DHCQ_NLU
2	16424022	Đinh Xuân	Minh	27/08/1994	Nam	2.29	Trung bình	431/2021/DHCQ_NLU
3	16424038	Nguyễn Hoàng	Thiện	14/05/1994	Nam	2.47	Trung bình	432/2021/DHCQ_NLU
4	16424041	Phan Quốc	Trọng	11/04/1994	Nam	2.05	Trung bình	433/2021/DHCQ_NLU
5	16424053	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	04/07/1993	Nữ	2.40	Trung bình	434/2021/DHCQ_NLU
LT17QL								
1	17424008	Nguyễn Thị	Hằng	11/06/1994	Nữ	2.56	Khá	435/2021/DHCQ_NLU
2	17424040	Nguyễn Thị Thu	Thảo	11/02/1994	Nữ	2.55	Khá	436/2021/DHCQ_NLU
3	17424042	Bành Văn	Tiến	17/12/1995	Nam	2.60	Khá	437/2021/DHCQ_NLU
4	17424043	Nguyễn Cao	Trí	15/12/1995	Nam	2.27	Trung bình	438/2021/DHCQ_NLU
5	17424054	Huỳnh Thanh Bảo	Yến	06/10/1991	Nữ	2.62	Khá	439/2021/DHCQ_NLU
LT18QL								
1	18424008	Mai Thị Trúc	Giang	03/12/1995	Nữ	2.85	Khá	440/2021/DHCQ_NLU
2	18424009	Đoàn Trung	Hải	05/10/1994	Nam	2.51	Khá	441/2021/DHCQ_NLU
3	18424012	Nguyễn Quốc	Huy	03/02/1994	Nam	2.87	Khá	442/2021/DHCQ_NLU
Khoa học sinh học								
DH13SHA								
1	13126418	Lê Vương Anh	Quốc	09/11/1995	Nam	2.29	Trung bình	443/2021/DHCQ_NLU
DH14SHA								
1	14126321	Trầm Minh	Thành	14/02/1995	Nam	2.81	Khá	444/2021/DHCQ_NLU
DH14SHB								
1	14126005	Phạm Hoàng Quốc	Anh	01/01/1996	Nam	3.26	Giỏi	445/2021/DHCQ_NLU
DH15SHA								
1	15126001	Ng Cao Thị Thúy	An	12/09/1997	Nữ	3.20	Giỏi	446/2021/DHCQ_NLU
2	15126159	Lê Linh	Trang	07/02/1997	Nữ	2.99	Khá	447/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH15SHB								
1	15126065	Lê Thị Khánh	Linh	29/09/1997	Nữ	2.88	Khá	448/2021/DHCQ_NLU
2	15126073	Đặng Thị Trúc	Ly	10/12/1997	Nữ	2.90	Khá	449/2021/DHCQ_NLU
3	15126104	Lê Thị Ngọc	Nhung	09/05/1997	Nữ	3.24	Giỏi	450/2021/DHCQ_NLU
DH16SH								
1	16126001	Nguyễn Quang	An	16/01/1998	Nam	3.19	Khá	451/2021/DHCQ_NLU
2	16126011	Lê Thị Minh	Châu	21/10/1998	Nữ	3.09	Khá	452/2021/DHCQ_NLU
3	16126015	Lê Quảng	Đại	10/08/1998	Nam	3.00	Khá	453/2021/DHCQ_NLU
4	16126027	Phan Thị Thùy	Dung	26/05/1998	Nữ	3.45	Giỏi	454/2021/DHCQ_NLU
5	16126031	Lương Thị Thùy	Dương	05/09/1997	Nữ	3.13	Khá	455/2021/DHCQ_NLU
6	16126036	Trần Ngọc	Duy	26/01/1998	Nam	3.00	Khá	456/2021/DHCQ_NLU
7	16126094	Trần Thị Ngọc	Mai	17/10/1998	Nữ	3.42	Giỏi	457/2021/DHCQ_NLU
8	16126097	Nguyễn Trà	My	10/08/1998	Nữ	3.04	Khá	458/2021/DHCQ_NLU
9	16126102	Trần Thị Nguyệt	Nga	24/06/1998	Nữ	2.98	Khá	459/2021/DHCQ_NLU
10	16126129	Lâm Thị Huỳnh	Như	23/11/1998	Nữ	3.11	Khá	460/2021/DHCQ_NLU
11	16126156	Đặng Duy	Thái	29/12/1998	Nam	2.93	Khá	461/2021/DHCQ_NLU
12	16126158	Huỳnh Thị Ngọc	Thắm	08/02/1998	Nữ	3.39	Giỏi	462/2021/DHCQ_NLU
13	16126160	Trần Đặng Hồng	Thạnh	24/03/1998	Nữ	3.48	Giỏi	463/2021/DHCQ_NLU
14	16126188	Đinh Thị Đoan	Trang	06/05/1997	Nữ	3.10	Khá	464/2021/DHCQ_NLU
15	16126202	Nguyễn Thị Tường	Vi	12/10/1998	Nữ	2.99	Khá	465/2021/DHCQ_NLU
16	16126208	Đoàn Thị Kim	Xuyến	10/09/1998	Nữ	3.39	Giỏi	466/2021/DHCQ_NLU
DH16SM								
1	16126039	Phùng Thị Mỹ	Duyên	08/01/1998	Nữ	3.40	Giỏi	467/2021/DHCQ_NLU
2	16126059	Mã Thị	Hồng	07/01/1998	Nữ	3.33	Giỏi	468/2021/DHCQ_NLU
3	16126063	Nguyễn Đăng	Huân	30/05/1998	Nam	3.22	Giỏi	469/2021/DHCQ_NLU
4	16126071	Lê Thị	Hường	29/08/1998	Nữ	3.09	Khá	470/2021/DHCQ_NLU
5	16126147	Nguyễn Xuân	Quang	29/03/1998	Nam	3.12	Khá	471/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
6	16126148	Vũ Phú	Quang	24/07/1998	Nam	3.28	Giỏi	472/2021/DHCQ_NLU
7	16126149	Phan Phú	Quí	02/08/1998	Nam	3.14	Khá	473/2021/DHCQ_NLU
8	16126165	Phan Nhật Thi	Thi	26/01/1998	Nữ	3.20	Giỏi	474/2021/DHCQ_NLU
9	16126192	Văn Minh	Trung	11/03/1997	Nam	3.01	Khá	475/2021/DHCQ_NLU
10	16126196	Đoàn Thị Thanh	Tuyền	16/11/1998	Nữ	3.31	Giỏi	476/2021/DHCQ_NLU
11	16126201	Trần Nguyễn	Uyên	13/05/1998	Nữ	3.36	Giỏi	477/2021/DHCQ_NLU
12	16126220	Trần Thị Thanh	Ngân	15/01/1998	Nữ	3.40	Giỏi	478/2021/DHCQ_NLU
Công nghệ thông tin								
DH12DT								
1	12130157	Nguyễn Minh	Nhã	12/12/1990	Nam	2.19	Trung bình	479/2021/DHCQ_NLU
DH13DT								
1	13130260	Nguyễn Thị Hồng	Phương	20/01/1995	Nữ	2.55	Khá	480/2021/DHCQ_NLU
DH14DTA								
1	14130007	Võ Cao	Anh	24/03/1996	Nam	2.19	Trung bình	481/2021/DHCQ_NLU
DH15DTC								
1	15130084	Phạm Quốc Thạch	Lam	27/09/1997	Nam	2.44	Trung bình	482/2021/DHCQ_NLU
DH16DTA								
1	16130332	Nguyễn Văn	Dũ	25/08/1998	Nam	2.42	Trung bình	483/2021/DHCQ_NLU
2	16130463	Bùi Dương Khả	Minh	06/03/1998	Nam	2.55	Khá	484/2021/DHCQ_NLU
DH16DTB								
1	16130313	Trần Văn	Dân	13/09/1998	Nam	2.77	Khá	485/2021/DHCQ_NLU
DH16DTC								
1	16130660	Nguyễn Châu	Vi	02/12/1998	Nữ	2.40	Trung bình	486/2021/DHCQ_NLU
Công nghệ Hóa học và Thực phẩm								
DH13BQ								
1	13125143	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	14/04/1995	Nữ	2.95	Khá	487/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB		Xếp loại	Số vào sổ
DH13BQGL									
1	13125671	Ngô Thị Cẩm	Huyền	18/02/1995	Nữ	2.20		Trung bình	488/2021/DHCQ_NLU
DH13DD									
1	13125197	Phạm Thị Thanh	Hương	13/03/1995	Nữ	2.77		Khá	489/2021/DHCQ_NLU
DH14HT									
1	14139133	Nguyễn Thị Thanh	Nguyệt	10/05/1996	Nữ	2.33		Trung bình	490/2021/DHCQ_NLU
DH14VT									
1	14125506	Trần Tâm	Uyên	10/11/1996	Nữ	2.40		Trung bình	491/2021/DHCQ_NLU
DH15BQ									
1	15125275	Võ Quang	Trung	18/09/1997	Nam	2.54		Khá	492/2021/DHCQ_NLU
DH15DD									
1	15125248	Huỳnh Thị	Tiến	15/11/1997	Nữ	2.84		Khá	493/2021/DHCQ_NLU
DH15HT									
1	15139027	Đặng Kỳ	Duyên	18/06/1997	Nữ	2.93		Khá	494/2021/DHCQ_NLU
DH15TP									
1	15114032	Bùi Nguyễn Quốc	Duy	20/08/1997	Nam	2.63		Khá	495/2021/DHCQ_NLU
2	15114069	Trần Nguyên	Huy	04/08/1997	Nam	2.51		Khá	496/2021/DHCQ_NLU
3	15125369	Lâm Minh	Quang	15/07/1997	Nam	2.65		Khá	497/2021/DHCQ_NLU
DH15VT									
1	15125222	Kim Thị	Thơm	30/10/1996	Nữ	2.68		Khá	498/2021/DHCQ_NLU
DH16BQ									
1	16125220	Lê Thị Diệu	Hương	20/05/1998	Nữ	2.76		Khá	499/2021/DHCQ_NLU
2	16125437	Lê Thị Mây	Tầng	12/11/1998	Nữ	2.53		Khá	500/2021/DHCQ_NLU
DH16DD									
1	16125118	Lê Đình	Chinh	07/07/1997	Nam	2.37		Trung bình	501/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH16HD								
1	16139031	Hồ Thị Thùy	Dung	09/04/1998	Nữ	3.13	Khá	502/2021/DHCQ_NLU
2	16139050	Võ Thị Thu	Hà	02/03/1998	Nữ	2.91	Khá	503/2021/DHCQ_NLU
3	16139053	Nguyễn Quỳnh	Hằng	16/01/1997	Nữ	2.91	Khá	504/2021/DHCQ_NLU
4	16139072	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	23/01/1998	Nữ	3.37	Giỏi	505/2021/DHCQ_NLU
5	16139107	Hoàng Thị Ý	Loan	26/03/1997	Nữ	2.97	Khá	506/2021/DHCQ_NLU
6	16139153	Ngô Hồ Phương	Oanh	27/01/1998	Nữ	3.20	Giỏi	507/2021/DHCQ_NLU
7	16139178	Đặng Thị Kim	Thân	28/06/1998	Nữ	3.04	Khá	508/2021/DHCQ_NLU
8	16139188	Nguyễn Đặng Việt	Thiên	07/12/1998	Nam	2.82	Khá	509/2021/DHCQ_NLU
9	16139203	Nguyễn Thị Kim	Tiến	10/04/1998	Nữ	3.01	Khá	510/2021/DHCQ_NLU
10	16139214	Ka Dương Ngọc Huỳnh	Trang	21/05/1998	Nữ	2.87	Khá	511/2021/DHCQ_NLU
11	16139240	Nguyễn Thị Thu	Uyên	08/09/1998	Nữ	2.94	Khá	512/2021/DHCQ_NLU
12	16139241	Hồ Thị Kim	Vân	28/07/1998	Nữ	3.10	Khá	513/2021/DHCQ_NLU
DH16HS								
1	16139146	Võ Quỳnh	Nhi	27/03/1998	Nữ	2.79	Khá	514/2021/DHCQ_NLU
2	16139158	Lê Trần Hàn	Phương	28/02/1998	Nữ	3.24	Giỏi	515/2021/DHCQ_NLU
3	16139193	Trần Đình	Thông	22/10/1998	Nam	2.70	Khá	516/2021/DHCQ_NLU
DH16HT								
1	16139054	Nguyễn Thị	Hằng	10/04/1998	Nữ	3.14	Khá	517/2021/DHCQ_NLU
2	16139096	Phạm Thanh	Lam	04/01/1998	Nữ	3.13	Khá	518/2021/DHCQ_NLU
3	16139210	Phan Thị Bích	Trâm	29/01/1998	Nữ	2.68	Khá	519/2021/DHCQ_NLU
DH16VT								
1	16125189	Mai Thị Diệu	Hảo	10/07/1998	Nữ	3.16	Khá	520/2021/DHCQ_NLU
2	16125302	Nguyễn Thị Thanh	Ly	03/02/1998	Nữ	2.85	Khá	521/2021/DHCQ_NLU
3	16125342	Lâm Thị Mỹ	Ngọc	10/01/1998	Nữ	2.63	Khá	522/2021/DHCQ_NLU
4	16125415	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	05/03/1998	Nữ	2.90	Khá	523/2021/DHCQ_NLU
5	16125420	Trần Phan Linh	San	12/02/1998	Nữ	2.58	Khá	524/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB		Xếp loại	Số vào sổ
Thủy sản									
DH12NT									
1	12116144	Dương Vũ	Trường	30/05/1994	Nam	2.48		Trung bình	525/2021/DHCQ_NLU
DH13NY									
1	13116139	Viên Khải	Nguyên	08/10/1995	Nữ	2.66		Khá	526/2021/DHCQ_NLU
2	13116221	Trương Văn	Thương	10/05/1995	Nam	2.05		Trung bình	527/2021/DHCQ_NLU
DH14NT									
1	14116046	Trần Minh	Duyên	14/05/1995	Nam	2.56		Khá	528/2021/DHCQ_NLU
DH14NY									
1	14116174	Nguyễn Ngọc	Phi	26/02/1996	Nam	2.29		Trung bình	529/2021/DHCQ_NLU
DH15CT									
1	15117046	Trương Thị Mỹ	Nương	05/11/1997	Nữ	2.74		Khá	530/2021/DHCQ_NLU
DH15NT									
1	15116216	Nguyễn Tuấn	Vũ	06/12/1997	Nam	2.51		Khá	531/2021/DHCQ_NLU
DH15NY									
1	15116027	Võ Lê Hoàng	Dũng	14/02/1997	Nam	2.67		Khá	532/2021/DHCQ_NLU
2	15116096	Nguyễn Thị Kim	Ngân	23/12/1997	Nữ	2.54		Khá	533/2021/DHCQ_NLU
DH16CT									
1	16117010	Nguyễn Thị Thúy	Hà	29/12/1998	Nữ	2.86		Khá	534/2021/DHCQ_NLU
2	16117015	Nguyễn Thị Kim	Hiền	01/01/1998	Nữ	2.58		Khá	535/2021/DHCQ_NLU
3	16117028	Nguyễn Nhựt Duy	Linh	29/03/1998	Nam	2.62		Khá	536/2021/DHCQ_NLU
4	16117042	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	10/02/1998	Nữ	2.53		Khá	537/2021/DHCQ_NLU
DH16KS									
1	16116081	Phạm Duy	Khang	08/11/1998	Nam	2.73		Khá	538/2021/DHCQ_NLU
2	16116099	Nguyễn Hữu	Lộc	13/03/1998	Nam	2.85		Khá	539/2021/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH16NT								
1	16116054	Kiều Vũ Trường	Giang	30/03/1997	Nam	2.42	Trung bình	540/2021/DHCQ_NLU
2	16116076	Phạm Thanh	Hữu	22/05/1998	Nam	2.99	Khá	541/2021/DHCQ_NLU
3	16116162	Phạm Minh	Quý	25/07/1998	Nam	2.76	Khá	542/2021/DHCQ_NLU
4	16116241	Nguyễn Công	Vũ	20/08/1998	Nam	2.64	Khá	543/2021/DHCQ_NLU
5	16116268	Lê Thanh	Hải	01/11/1998	Nam	2.45	Trung bình	544/2021/DHCQ_NLU
DH16NY								
1	16116030	Hà Thị	Châu	07/05/1998	Nữ	2.37	Trung bình	545/2021/DHCQ_NLU
2	16116102	Cao Thị Khánh	Ly	14/05/1998	Nữ	2.83	Khá	546/2021/DHCQ_NLU
3	16116120	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	12/09/1998	Nữ	2.63	Khá	547/2021/DHCQ_NLU

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng